

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HIỆP HÒA
TỈNH BẮC GIANG**

Bản án số: 75/2019/HNGĐ-ST

Ngày 26/12/2019

V/v: Hôn nhân gia đình

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA - TỈNH BẮC GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Vinh

Các hội thẩm nhân dân: 1- **Ông Nguyễn Xuân Trường**

2- **Ông Nguyễn Ngọc Trứ**

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan- thư ký Tòa án

**Đại diện VKSND huyện Hiệp Hòa tỉnh Bắc Giang tham gia phiên
tòa:**

Bà Ngô Thị Tươi KSV

Trong các ngày 09 và ngày 26 tháng 12 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa. Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 182/2019/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2019. về việc Tranh chấp hôn nhân gia đình. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2019 giữa:

-Nguyên đơn;Chị Nguyễn Thị U; sinh năm 1980 có mặt

Địa chỉ: Thôn L Y 3, xã H V, huyện H H, B G

- Bị đơn: Anh Dương Văn Q sinh năm 1979 vắng mặt

Địa chỉ: Thôn L Y 3, xã H V, huyện H H, B G

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;

Ngân hàng chính sách xã hội; Phòng giao dịch huyện Hiệp Hòa do ông Dương Ngọc Phương Phó giám đốc Phòng giao dịch huyện Hiệp Hòa Đại diện theo. Theo giấy ủy quyền 234/GUQ- NHCS ngày 01/10/2019 vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 14/6/2019, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị U trình bày: Chị và anh Q kết hôn với nhau ngày 15 tháng 8 năm 1999 trước khi kết hôn có tìm hiểu thỏa thuận có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Vân. Sau khi kết hôn

chị về gia đình anh làm dâu ngay và ở chung với gia đình đến năm 2000 vợ chồng ở riêng. Tình cảm vợ chồng lúc đầu bình thường hạnh phúc đến năm 2014 xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc kinh tế khó khăn hơn nữa anh hay rượu chè về đánh đập vợ con cho nên chị đã về nhà mẹ đẻ do hòa giải hai gia đình nên vợ chồng lại về chung sống với nhau. Đến năm 2018 vợ chồng lại mâu thuẫn nên chị về nhà mẹ đẻ từ đó cho đến nay. Vợ chồng sống ly thân từ cuối năm 2018 cho đến nay. Từ khi chị về nhà mẹ đẻ cho đến nay, anh không sang gọi chị về và không quan tâm đến chị, vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và đề nghị được ly hôn.

Anh Q vắng mặt tại phiên tòa lời khai tại Tòa án anh trình bày; anh và chị U kết hôn với nhau năm 1999 trước khi kết hôn có tìm hiểu thỏa thuận có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoàng Vân. Tình cảm vợ chồng lúc đầu bình thường hạnh phúc đến năm 2017 vợ chồng mâu thuẫn cho nên năm 2018 chị về nhà mẹ đẻ từ đó cho đến nay. Từ khi chị về nhà mẹ đẻ anh sang gọi nhiều lần nhưng chị không về, vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị có đơn xin ly hôn anh đồng ý.

. Về con chung; Chị U và anh Q đều xác định vợ chồng có 02 con chung Dương Văn T sinh 05/2/2000 hiện đi làm ăn ở đâu không rõ, Dương Giang A sinh 25/4/2009 hiện đang ở với chị, ly hôn cả hai bên đều đề nghị để chị nuôi Dương Giang A sinh 25/4/2009 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản; chị U và anh Q đều xác định vợ chồng có một số tài sản nhưng không yêu cầu tòa án giải quyết;

Về nợ; Chị U và anh Q đều xác định vợ chồng nợ Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hiệp Hòa chị xác định nợ 53.000.000đ gốc, anh xác định nợ 45.000.000đ và chị đề nghị để anh Q trả cả. Anh Q đề nghị cả hai bên cùng trả. Ngoài ra anh khai vợ chồng còn nợ anh Dương Văn T 10.000.000đ anh đề nghị hai bên cùng trả. Chị xác định khoản nợ anh Thủy là nợ riêng của anh chị không đồng ý trả.

Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hiệp Hòa xác định năm 2010 hộ gia đình chị U, anh Q vay 8.000.000đ lãi suất 3%/năm thời hạn vay đến tháng 10/2020 trả và ngày 22/5/2019 Ngân Hàng cho hộ gia đình chị U vay 45.000.000đ lãi suất 8,25%/ năm thời hạn vay 60 tháng trong quá trình thực hiện hợp đồng hộ gia đình chị U không thực hiện như cam kết lãi còn nợ cho nên Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hiệp Hòa yêu cầu hộ gia đình chị U, anh Q trả Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hiệp Hòa gốc là 53.000.000đ và lãi.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa phát biểu; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, người tham gia tố tụng có ý thức chấp hành pháp luật và đề nghị; Chấp nhận yêu cầu của chị U; Áp dụng các Điều 51,

Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82,83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 28, Điều 147, khoản 1 điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/ 2016/ UBTWQH14, ngày 30/ 12/ 2016. Chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị U: Chị Nguyễn Thị U được ly hôn anh Dương Văn Q. Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị U nuôi Dương Giang A sinh 25/4/2009 không yêu cầu anh cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu. Anh Q được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

Về nợ buộc chị U, anh Q có nghĩa vụ thanh toán trả Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hiệp Hòa gốc 53.000.000đ và lãi .

*Về án phí: Chị U phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng; Chị U và anh Q kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã, được xác nhận là hôn nhân hợp pháp. Chị U có đơn xin ly hôn anh Q đề ngày 14/6/2019 như vậy quan hệ tranh chấp giữa Chị U và anh Q được xác định là tranh chấp “ Hôn nhân và gia đình” theo quy định tại điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Xét việc anh Q vắng mặt tại phiên tòa, nhưng Tòa án đã giao giấy triệu tập và thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ cũng như giấy triệu tập phiên tòa hợp lệ nhiều lần cho anh Q nhưng anh Q vẫn vắng mặt cho nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt anh Q là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Q được quyền kháng cáo vắng mặt theo quy định của pháp luật.

[2] Xét yêu cầu về việc xin ly hôn của chị U thấy rằng qua các chứng cứ do các bên xuất trình lời khai người làm chứng được biết, vợ chồng Chị U và anh Q kết hôn với nhau và đã có thời gian sống hạnh phúc nhưng tình cảm vợ chồng không duy trì và phát triển được nên đã xảy ra mâu thuẫn xuất phát từ việc chị cho rằng do kinh tế khó khăn hơn nữa anh hay rượu chè về đánh đập vợ con nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn vợ chồng hay cãi nhau cho nên năm 2018 chị về nhà mẹ đẻ. Từ khi chị về nhà mẹ đẻ cho đến nay anh không sang gọi chị về để vợ chồng đoàn tụ, vợ chồng cắt đứt quan hệ tình cảm từ đó cho đến nay. Tại tòa án anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin ly hôn anh đồng ý. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị U và anh Q đã phát triển trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng điều 51,56 Luật hôn nhân và gia đình để giải quyết cho chị U được ly hôn anh Q là phù hợp, cho nên yêu cầu xin ly hôn của chị U cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu về nuôi con của hai bên thấy rằng vợ chồng chị U và anh Q có 02 con chung Dương Văn T sinh 05/2/2000 hiện đi làm ăn ở đâu không rõ hơn nữa Trường đã hơn 18 tuổi không yêu cầu cho nên

không xem xét., Dương Giang A sinh 25/4/2009 hiện đang ở với chị cháu vẫn phát triển bình thường, ly hôn cả hai bên đều đề nghị để chị nuôi Dương Giang A sinh 25/4/2009 và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hơn nữa Dương Giang A cũng có nguyện vọng được ở với chị xét thấy cần giao Dương Giang A cho chị nuôi, anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với điều 58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình cho nên yêu cầu của chị U cần được chấp nhận.

Xét yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hiệp Hòa cũng như đề nghị của anh Q, chị U thấy rằng; Vợ chồng anh Q, chị U năm 2010 có vay ngân hàng 8.000.000đ theo hợp đồng tín dụng số 1300081422 ngày 27/12/2010 lúc đó vợ chồng anh Q, chị U vẫn chung sống hạnh phúc cho nên xác định đó là khoản nợ chung của vợ chồng cần buộc anh Q, chị U có nghĩa vụ thanh toán trả. Ngoài ra sau khi ly thân chị U có đứng tên vay Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hiệp Hòa 45.000.000đ để trả vào khoản nợ cũ anh Q cũng thừa nhận nhưng chị U lại đề nghị để anh Q trả chị không đồng ý trả, tại phiên tòa chị đề nghị mỗi người trả 1/2; Xét thấy Để đảm bảo việc thanh toán nợ và đề nghị của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hiệp Hòa cần buộc anh Q và chị U cùng phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ là phù hợp và đề nghị của chị U và anh Q mỗi người trả 1/2 là hoàn toàn tự nguyện cho nên yêu cầu của Ngân hàng chính sách xã hội huyện Hiệp Hòa, chị U và anh Q là hoàn toàn tự nguyện cần được chấp nhận.

Xét anh Q xác định khoản nợ anh Thủy là nợ chung của vợ chồng thấy rằng tòa án đã triệu tập anh Thủy nhiều lần nhưng anh Thủy không đến Tòa án để làm việc và chưa yêu cầu cho nên cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[4]Về tài sản chung: Xét chị U xác định vợ chồng có tài sản là nhà ở hiện anh Q quản lý thì anh Q trả nợ nhưng anh Q không đồng ý và Tòa án đã giải thích yêu cầu chị U có đơn yêu cầu và phải nộp tạm ứng án phí nhưng chị U không nộp và không có đơn xem xét cho nên không có căn cứ để xem xét cần tách ra để giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[5]Về án phí: Chị U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm, anh Q chị U phải chịu án phí thanh toán nợ.

[6] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa phát biểu về quá trình tiến hành tố tụng, việc chấp hành pháp luật của các đương sự, đề nghị áp dụng điều luật, đường lối giải quyết là phù hợp với pháp luật cần chấp nhận.

Vì lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

* Căn cứ vào các Điều 51, 56, điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/ 2016/ của UBTVQH14 Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị U.

*Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị U được ly hôn anh Dương Văn Q.

*Về con chung: Giao chị Nguyễn Thị U nuôi Dương Giang A sinh 25/4/2009 anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu. Anh Q được quyền đi lại thăm nom con không ai được cản trở anh Q thực hiện quyền này.

*Về nợ : Chị Nguyễn Thị U, anh Dương Văn Q có nghĩa vụ liên đới thanh toán trả Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện Hiệp Hòa gốc 53.000.000đ, lãi đến ngày 26/12/2019 là 308.529đ (Cụ thể như sau: Chị U có nghĩa vụ thanh toán trả theo hợp đồng tín dụng số; 6000001300100256 ngày 27/12/2010 lãi xuất 3%/năm thời hạn vay 120 tháng gốc là 4.000.000đ và lãi đến ngày 26/12/2019 là 1.385 đ và hợp đồng tín dụng số; 6600000715401592 ngày 22/5/2019 lãi xuất 8,25%/ năm gốc là 22.500.000đ và lãi đến ngày 26/12/2019 là 152.911đ. Anh Q có nghĩa vụ trả theo hợp đồng tín dụng số; 6000001300100256 ngày 27/12/2010 lãi xuất 3%/năm thời hạn vay 120 tháng gốc là 4.000.000đ và lãi đến ngày 26/12/2019 là 1.385 đ. Hợp đồng tín dụng số; 6600000715401592 ngày 22/5/2019 lãi xuất 8,25%/ năm thời hạn vay 60 tháng gốc là 22.500.000đ và lãi đến ngày 26/12/2019 là 152.911đ) và lãi phát sinh tính từ ngày 27/12/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

*Về án phí: Chị Nguyễn Thị U phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 1.332.000 đ án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2017/0000866 ngày 18 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà. Chị U còn phải nộp 1.332.000 đ án phí dân sự sơ thẩm. Anh Q phải chịu 1.332.000 đ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*Báo cho đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hòa;
- THADS huyện Hiệp Hòa;
- UBND xã Hoàng Vân;
- Đương sự
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Văn Vinh

